

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1025/2022/HNGĐ -ST

Ngày: 07-09-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

***\*/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Ông Nguyễn Tấn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

*Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định*

- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên

\*\*\*

Ngày 07 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Lê Thành B, sinh năm: 1976; Địa chỉ: số 50 N, phường Đ, TP.Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Chị Hồ Thị H, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 50 N, phường Đ, TP.Q, Bình Định (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/03/2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Lê Thành B trình bày: Anh và chị Hồ Thị H kết hôn*

ngày 04/08/2010 tại UBND phường H, TP. Q trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H không có trách nhiệm với gia đình, đam mê cờ bạc gây ra các khoản nợ dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không quan tâm gần gũi, chăm sóc lẫn nhau. Anh và chị H đã ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Hiện anh xác định không còn tình cảm với chị H nên xin được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống. Hiện nay anh bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử về tội “tổ chức đánh bạc” nên anh làm đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Hồ Thị H:* không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

\* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Anh B và chị H kết hôn ngày 04/8/2010 tại UBND phường H, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H có địa chỉ tại 50 N, phường Đ, TP. Quy Nhơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn. Theo anh B trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H không có trách nhiệm với gia đình, ham mê cờ bạc gây ra các khoản nợ dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 12 năm 2021 đến nay anh và chị H không còn quan tâm đến nhau. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên xin được ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng qua lời trình bày của anh B thì giữa anh và chị H đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai bên không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không Hphúc, cả hai đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng chị H không đến Tòa làm việc, chứng tỏ chị H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh B xin được ly hôn chị H là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh B và chị H không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. anh B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

**Tuyên xử:**

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Thành B được ly hôn chị Hồ Thị H.
- 2. Về con chung:** Anh B, chị H không có con chung.
- 3. Về tài sản chung:** Anh B không yêu cầu Tòa giải quyết.
- 4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003667 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (Anh B đã nộp xong).

Quyền kháng cáo: Anh B, chị H vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Minh Hòa**